

Hà Nội, ngày 17 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp Giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP

Căn cứ Quyết định số 1328/QĐ-TĐC ngày 01/07/2019 của Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Trung tâm Chứng nhận Phù hợp;

Căn cứ Quyết định số 49/QĐ-TĐC ngày 13/2/2001 của Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng về việc Ban hành Quy định nội dung và thủ tục chứng nhận và cấp Dấu chất lượng sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn;

Căn cứ vào báo cáo kết quả của Đoàn chuyên gia đánh giá và kết quả thẩm xét hồ sơ chứng nhận,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm có thông tin như bảng dưới đây cho Công ty TNHH Nhôm Việt Ý, có địa chỉ trụ sở tại Ô CN11 Cụm công nghiệp Nguyên Khê PHA2, xã Nguyên Khê, huyện Đông Anh, Hà Nội, Việt Nam.

STT	Tên sản phẩm	Giấy chứng nhận số	Tiêu chuẩn áp dụng
1.	Hộp kim nhôm định hình (profile), loại hộp kim 6063-T5, 6063-T6, 6061-T6, 6005-T6	SP 3616.24.17	TCVN 12513-2:2018 TCVN 12513-4:2018 TCVN 12513-7:2018

Điều 2. Giấy chứng nhận này có hiệu lực kể từ ngày 19/08/2024 đến ngày 18/08/2027. Trong thời gian hiệu lực của Giấy chứng nhận, Công ty TNHH Nhôm Việt Ý được phép sử dụng Giấy chứng nhận nêu tại Điều 1 và Dấu chất lượng.

Điều 3. Công ty TNHH Nhôm Việt Ý có trách nhiệm duy trì và cải tiến chất lượng sản phẩm, hệ thống đảm bảo chất lượng phù hợp với các yêu cầu quy định và được Trung tâm Chứng nhận Phù hợp (QUACERT) đánh giá giám sát định kỳ 12 tháng/lần. Ngày của cuộc đánh giá giám sát đầu tiên sau chứng nhận không quá 12 tháng kể từ ngày quyết định chứng nhận có hiệu lực./.

Nơi nhận:

- Như điều 1;
- Lưu: VT, hồ sơ chứng nhận.

Fax: EMS: Thư: ✓

GIÁM ĐỐC



Trần Quốc Dũng



TRUNG TÂM CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP (QUACERT)

8 Hoàng Quốc Việt, P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
T +84 (24) 3756 1025 | F +84 (24) 3756 3188
E quacert@quacert.gov.vn | W www.quacert.gov.vn

QF 23-03 Rev.: 01.06.2021

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

TRUNG TÂM CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP (QUACERT)



GIẤY CHỨNG NHẬN

Sản phẩm: Hợp kim nhôm định hình (profile), loại hợp kim 6063-T5, 6063-T6, 6061-T6, 6005-T6

với nhãn hiệu thương mại



được sản xuất tại

CÔNG TY TNHH NHÔM VIỆT Ý

Ô CN11 Cụm công nghiệp Nguyên Khê PHA2, xã Nguyên Khê, huyện Đông Anh, Hà Nội, Việt Nam

phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn

TCVN 12513-2:2018; TCVN 12513-4:2018; TCVN 12513-7:2018

và được phép sử dụng Dấu Chất lượng



Phương thức chứng nhận:

Phương thức 5 (theo Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

Số Giấy chứng nhận:

SP 3616.24.17

Hiệu lực Giấy chứng nhận:

từ ngày 19/08/2024 đến ngày 18/08/2027

Ngày chứng nhận lần đầu:

19/08/2024

GIÁM ĐỐC



Trần Quốc Dũng

QUACERT - 8 Hoàng Quốc Việt, P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam



ENSURE YOUR SUCCESS

CERTIFICATE

This is to certify that the Products as
Aluminium Alloys Profiles, Alloy number 6063-T5, 6063-T6, 6061-T6, 6005-T6

with Trade Mark



made by

VIET Y ALUMINIUM LIMITED COMPANY

Lot CN11, Nguyen Khe PHA2 Industrial Zone, Nguyen Khe Commune, Dong Anh District, Hanoi City, Vietnam

have been found to conform with the standard

TCVN 12513-2:2018; TCVN 12513-4:2018; TCVN 12513-7:2018

and authorised to use the Quality Mark



Certification System: SYSTEM 5 (Circular No. 28/2012/TT-BKHCN dated 12 Dec 2012 of MOST)
Certificate Number: SP 3616.24.17
The validity of this Certificate: from 19 August 2024 to 18 August 2027
Original Certification: 19 August 2024

Director



Trần Quốc Dũng

Hà Nội, ngày 22 tháng 08 năm 2024

Số: 1228/QUACERT-KT
V/v duy trì chứng nhận

Kính gửi: Công ty TNHH Nhôm Việt Ý

Sau khi tiến hành đánh giá giám sát ngày 23/05/2024, Trung tâm Chứng nhận Phù hợp (QUACERT) nhận thấy rằng Công ty TNHH Nhôm Việt Ý vẫn tiếp tục duy trì được hệ thống quản lý phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn áp dụng. Hồ sơ đánh giá của quý Công ty đã được xem xét và chuẩn y việc duy trì với nội dung như dưới đây:

STT	Phạm vi	Tiêu chuẩn áp dụng
1.	Sản xuất, cung ứng nhôm thanh định hình	TCVN ISO 9001:2015 / ISO 9001:2015

Kết quả thực hiện hành động khắc phục đối với các điểm không phù hợp trong lần giám sát vừa qua sẽ được Đoàn chuyên gia đánh giá kiểm tra xác nhận trong lần giám sát tới.

Trung tâm Chứng nhận Phù hợp (QUACERT) thông báo để Công ty TNHH Nhôm Việt Ý được biết. Kính chúc quý Công ty đạt được nhiều thành công hơn nữa trong hoạt động của mình.

Trân trọng.

Nơi nhận: ✓

- Như trên;
- Lưu: VT, hồ sơ chứng nhận.



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Xuân Anh



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)

Số (No): 2776 VLXD-VLHC

1. Cơ quan gửi mẫu (Client): TRUNG TÂM CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP
2. Đơn vị sản xuất (Manufacturer): CÔNG TY TNHH NHÔM VIỆT Ý
3. Loại mẫu (Kind of sample): Hộp kim nhôm dạng Profile, mác 6005, độ cứng T6, nhôm thô sau hóa già
4. Kích thước (Dimensions): 600 mm
5. Số tem (Stamp number): 24.02567 đến 24.02569
6. Số lượng (Quantities): 01 mẫu
7. Số phiếu (No): 2450/KHTN
8. Ngày nhận mẫu (Date of received): 10/07/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST RESULT)

S/TT (No)	Tên chỉ tiêu (Characteristics)	Đơn vị (Units)	Mức yêu cầu Hộp kim 6005-T6 (Requirements)	Kết quả (Results)	Phương pháp thử (Test method)
1	Độ bền kéo (Tensile strength)	MPa	≥ 270	280,9	TCVN 197-1:2014
2	Giới hạn chảy (Yield strength)	MPa	≥ 225	242,8	
3	Độ giãn dài khi đứt (Elongation at break)	%	≥ 6	8,9	
4	Thành phần hóa học (Chemical composition)				TCVN 12513-7:2018
	+ Si	%	$0,6 \div 0,9$	0,607	
	+ Fe	%	$\leq 0,35$	0,157	
	+ Cu	%	$\leq 0,10$	0,013	
	+ Mn	%	$\leq 0,10$	0,014	
	+ Mg	%	$0,4 \div 0,6$	0,521	
	+ Cr	%	$\leq 0,10$	0,013	
	+ Zn	%	$\leq 0,10$	0,005	
	+ Ti	%	$\leq 0,10$	0,025	
	+ Al	%	-	98,59	
5	Kích thước (Dimensions)				TCVN 12513-4:2018
	+ Chiều dày (Thickness)	mm	-	1,28	
	+ Chiều rộng (Width)	mm	-	31,96	
	+ Chiều cao (Height)	mm	-	40,01	

Hà Nội, ngày 24 tháng 07 năm 2024

Cán bộ thử nghiệm (Test by): Thắng, An,.....
PTN LAS-XD 24.061 - TT VLHC & HPXD
LAS-XD 24.061 - COMCC

VIỆN VẬT LIỆU XÂY DỰNG



PHÓ VIỆN TRƯỞNG
Nguyễn Văn Huỳnh

Trịnh Thị Hằng

Trịnh Thị Hằng

Ghi chú (Note):

- Các chỉ tiêu và phương pháp thử được thử theo yêu cầu của khách hàng. (Characteristics and methods were tested according to client's request).
- Mẫu do khách hàng mang đến Viện Vật liệu xây dựng. Tên mẫu, tên cơ quan gửi mẫu và công trình sử dụng được báo cáo theo yêu cầu của khách hàng. (Sample were sent to VIBM. Name of sample, client and works are reported client's request).
- Không được sao chép từng phần (được sao chép toàn bộ) phiếu kết quả này khi chưa được sự đồng ý của Viện Vật liệu xây dựng. (This test report not be reproduced, except in full).



VIỆN VẬT LIỆU XÂY DỰNG - BỘ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM VẬT LIỆU HỮU CƠ & HÓA PHẨM XÂY DỰNG
VIETNAM INSTITUTE FOR BUILDING MATERIALS (VIBM) - MINISTRY OF CONSTRUCTION (MOC)
CENTRE FOR ORGANIC MATERIALS & CONSTRUCTION CHEMICALS (COMCC)
Địa chỉ (Address): 235 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Điện thoại (Tel): 024.38582912; Fax: 024.38581112; Website: <http://vibm.vn/>; E-mail: ttvlhc@gmail.com



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)

Số (No): ~~277~~ VLXD-VLHC

1. Cơ quan gửi mẫu (Client): TRUNG TÂM CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP
2. Đơn vị sản xuất (Manufacturer): CÔNG TY TNHH NHÔM VIỆT Ý
3. Loại mẫu (Kind of sample): Hộp kim nhôm dạng Profile, mác 6061, độ cứng T6, nhôm thô sau hóa già
4. Kích thước (Dimensions): $31 \times 31 \times 2,5$ mm
5. Số tem (Stamp number): 23.18056 đến 23.18058
6. Số lượng (Quantities): 01 mẫu
7. Số phiếu (No): 2450/KHTN
8. Ngày nhận mẫu (Date of received): 10/07/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST RESULT)

STT (No)	Tên chỉ tiêu (Characteristics)	Đơn vị (Units)	Mức yêu cầu Hộp kim 6061-T6 (Requirements)	Kết quả (Results)	Phương pháp thử (Test method)
1	Độ bền kéo (Tensile strength)	MPa	≥ 265	287,3	TCVN 197-1:2014
2	Giới hạn chảy (Yield strength)	MPa	≥ 245	257,2	
3	Độ giãn dài khi đứt (Elongation at break)	%	≥ 8	8,6	
4	Thành phần hóa học (Chemical composition)				TCVN 12513-7:2018
	+ Si	%	$0,4 \div 0,8$	0,716	
	+ Fe	%	$\leq 0,7$	0,226	
	+ Cu	%	$0,15 \div 0,4$	0,208	
	+ Mn	%	$\leq 0,15$	0,017	
	+ Mg	%	$0,8 \div 1,2$	1,029	
	+ Cr	%	$0,04 \div 0,35$	0,079	
	+ Zn	%	$\leq 0,25$	0,029	
	+ Ti	%	$\leq 0,15$	0,016	
	+ Al	%	-	97,62	
5	Kích thước (Dimensions)				TCVN 12513-4:2018
	+ Chiều dày (Thickness)	mm	-	2,51	
	+ Chiều rộng (Width)	mm	-	31,02	
	+ Chiều cao (Height)	mm	-	30,97	

Hà Nội, ngày 24 tháng 07 năm 2024

Cán bộ thử nghiệm (Test by): Thắng, An.....
PTN LAS-XD 24.061 - TT VLHC & HPXD
LAS-XD 24.061 - COMCC

VIỆN VẬT LIỆU XÂY DỰNG
VIBM
PHÓ VIỆN TRƯỞNG
Nguyễn Văn Huỳnh

Trịnh Thị Hằng
Trịnh Thị Hằng

Ghi chú (Note):

- Các chỉ tiêu và phương pháp thử được thử theo yêu cầu của khách hàng. (Characteristics and methods were tested according to client's request).
- Mẫu do khách hàng mang đến Viện Vật liệu xây dựng. Tên mẫu, tên cơ quan gửi mẫu và công trình sử dụng được báo cáo theo yêu cầu của khách hàng. (Sample were sent to VIBM. Name of sample, client and works are reported client's request).
- Không được sao chép từng phần (được sao chép toàn bộ) phiếu kết quả này khi chưa được sự đồng ý của Viện Vật liệu xây dựng. (This test report not be reproduced, except in full).



VIỆN VẬT LIỆU XÂY DỰNG - BỘ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM VẬT LIỆU HỮU CƠ & HÓA PHẨM XÂY DỰNG
VIETNAM INSTITUTE FOR BUILDING MATERIALS (VIBM) - MINISTRY OF CONSTRUCTION (MOC)
CENTRE FOR ORGANIC MATERIALS & CONSTRUCTION CHEMICALS (COMCC)
Địa chỉ (Address): 235 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Điện thoại (Tel): 024.38582912; Fax: 024.38581112; Website: <http://vibm.vn/>; E-mail: ttvlhc@gmail.com



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)

Số (No): 2778 VLXD-VLHC

1. Cơ quan gửi mẫu (Client): TRUNG TÂM CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP
2. Đơn vị sản xuất (Manufacturer): CÔNG TY TNHH NHÔM VIỆT Ý
3. Loại mẫu (Kind of sample): Hộp kim nhôm dạng Profile, mác 6063, độ cứng T6, nhôm thô sau hóa già
4. Số tem (Stamp number): 23.18065 đến 23.18067
5. Số lượng (Quantities): 01 mẫu
6. Số phiếu (No): 2450/KHTN
7. Ngày nhận mẫu (Date of received): 10/07/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST RESULT)

STT (No)	Tên chỉ tiêu (Characteristics)	Đơn vị (Units)	Mức yêu cầu Hợp kim 6063-T6 (Requirements)	Kết quả (Results)	Phương pháp thử (Test method)
1	Độ bền kéo (Tensile strength)	MPa	≥ 205	225,2	TCVN 197-1:2014
2	Giới hạn chảy (Yield strength)	MPa	≥ 170	189,0	
3	Độ dẫn dài khi đứt (Elongation at break)	%	≥ 8	8,3	
4	Thành phần hóa học (Chemical composition)				TCVN 12513-7:2018
	+ Si	%	$0,2 \div 0,6$	0,439	
	+ Fe	%	$\leq 0,35$	0,274	
	+ Cu	%	$\leq 0,10$	0,019	
	+ Mn	%	$\leq 0,10$	0,020	
	+ Mg	%	$0,45 \div 0,90$	0,514	
	+ Cr	%	$\leq 0,10$	0,027	
	+ Zn	%	$\leq 0,10$	0,033	
	+ Ti	%	$\leq 0,10$	0,014	
	+ Al	%	-	98,60	
5	Kích thước (Dimensions)				TCVN 12513-4:2018
	+ Chiều dày (Thickness)	mm	-	0,79	
	+ Chiều rộng (Width)	mm	-	26,92	
	+ Chiều cao (Height)	mm	-	9,07	

Hà Nội, ngày 24 tháng 07 năm 2024

Cán bộ thử nghiệm (Test by): Thắng, An,.....
PTN LAS-XD 24.061 - TT VLHC & HPXD
LAS-XD 24.061 - COMCC

VIỆN VẬT LIỆU XÂY DỰNG

Trịnh Thị Hằng

Ghi chú (Note):

- Các chỉ tiêu và phương pháp thử được thử theo yêu cầu của khách hàng. (Characteristics and methods were tested according to client's request).
- Mẫu do khách hàng mang đến Viện Vật liệu xây dựng. Tên mẫu, tên cơ quan gửi mẫu và công trình sử dụng được báo cáo theo yêu cầu của khách hàng. (Sample were sent to VIBM. Name of sample, client and works are reported client's request).
- Không được sao chép từng phần (được sao chép toàn bộ) phiếu kết quả này khi chưa được sự đồng ý của Viện Vật liệu xây dựng. (This test report not be reproduced, except in full).



VIỆN VẬT LIỆU XÂY DỰNG - BỘ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM VẬT LIỆU HỮU CƠ & HÓA PHẨM XÂY DỰNG
VIETNAM INSTITUTE FOR BUILDING MATERIALS (VIBM) - MINISTRY OF CONSTRUCTION (MOC)
CENTRE FOR ORGANIC MATERIALS & CONSTRUCTION CHEMICALS (COMCC)
Địa chỉ (Address): 235 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Điện thoại (Tel): 024.38582912; Fax: 024.38581112; Website: <http://vibm.vn/>; E-mail: ttvlhc@gmail.com



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(TEST REPORT)

Số (No): 2779 VLXD-VLHC

1. Cơ quan gửi mẫu (Client): TRUNG TÂM CHUNG NHẬN PHÙ HỢP
2. Đơn vị sản xuất (Manufacturer): CÔNG TY TNHH NHÔM VIỆT Ý
3. Loại mẫu (Kind of sample): Hộp kim nhôm dạng Profile, mác 6063, độ cứng T5, nhôm thô sau hóa già
4. Số tem (Stamp number): 23.18053 đến 23.18055
5. Số lượng (Quantities): 01 mẫu
6. Số phiếu (No): 2450/KHTN
7. Ngày nhận mẫu (Date of received): 10/07/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(TEST RESULT)

STT (No)	Tên chỉ tiêu (Characteristics)	Đơn vị (Units)	Mức yêu cầu Hợp kim 6063-T5 (Requirements)	Kết quả (Results)	Phương pháp thử (Test method)
1	Độ bền kéo (Tensile strength)	MPa	≥ 150	212,8	TCVN 197-1:2014
2	Giới hạn chảy (Yield strength)	MPa	≥ 110	184,2	
3	Độ giãn dài khi đứt (Elongation at break)	%	≥ 8	8,2	
4	Thành phần hóa học (Chemical composition)				TCVN 12513-7:2018
	+ Si	%	$0,2 \div 0,6$	0,398	
	+ Fe	%	$\leq 0,35$	0,219	
	+ Cu	%	$\leq 0,10$	0,017	
	+ Mn	%	$\leq 0,10$	0,020	
	+ Mg	%	$0,45 \div 0,90$	0,473	
	+ Cr	%	$\leq 0,10$	0,021	
	+ Zn	%	$\leq 0,10$	0,032	
	+ Ti	%	$\leq 0,10$	0,024	
	+ Al	%	-	98,75	
5	Kích thước (Dimensions)				TCVN 12513-4:2018
	+ Chiều dày (Thickness)	mm	-	1,26	
	+ Chiều rộng (Width)	mm	-	32,05	
	+ Chiều cao (Height)	mm	-	40,03	

Hà Nội, ngày 24 tháng 07 năm 2024

Cán bộ thử nghiệm (Test by): Thắng, An.....

PTN LAS-XD 24.061 - TT VLHC & HPXD

LAS-XD 24.061 - COMCC

VIỆN VẬT LIỆU XÂY DỰNG



★ PHÓ VIỆN TRƯỞNG
Nguyễn Văn Huỳnh

Trịnh Thị Hằng

Ghi chú (Note):

- Các chỉ tiêu và phương pháp thử được thử theo yêu cầu của khách hàng. (Characteristics and methods were tested according to client's request).
- Mẫu do khách hàng mang đến Viện Vật liệu xây dựng. Tên mẫu, tên cơ quan gửi mẫu và công trình sử dụng được báo cáo theo yêu cầu của khách hàng. (Sample were sent to VIBM. Name of sample, client and works are reported client's request).
- Không được sao chép từng phần (được sao chép toàn bộ) phiếu kết quả này khi chưa được sự đồng ý của Viện Vật liệu xây dựng. (This test report not be reproduced, except in full).